

Bản án số: **32/2020/DS-ST**

Ngày: 11-5-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà Võ Ngọc Thúy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2019/TLST-DS ngày 12/3/2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 07/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông N.D, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: H.G, Phường A, Quận Y, TP.HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Ông L.H.T - Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 12762, quyền số 12 – SCT/CK,ĐC ngày 27/12/2018 tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, TP.HCM.

Địa chỉ: 47 X.V.N.T, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn Ông N.N.S, sinh năm: 1994.

Bà N.T.T.T, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: N.V.L, Phường A, Quận Y, TP.HCM.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019; Các Bản tự khai vào ngày 13/5/2019, 10/6/2019 và Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2019 - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/4/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, thành phố Hồ Chí Minh, giữa nguyên đơn – ông N.D và bị đơn ông N.N.S, bà N.T.T.T có ký hợp đồng vay tiền số công chứng 003327, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD, với số tiền mà Nguyên đơn đã cho bị đơn vay là 100.000.000(một trăm triệu) đồng, thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 28/02/2019, lãi suất do hai bên thỏa thuận, bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi vào ngày 16 dương lịch hàng tháng, cùng ngày bị đơn đã ký giấy nhận tiền, đã nhận 100.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận được tiền vào ngày 16/4/2018, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi cho Nguyên đơn theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, mặc dù Nguyên đơn đã rất nhiều lần liên lạc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi. Từ khi hết thời hạn vay ngày 28/02/2019 nhưng đến hôm nay bị đơn cũng chưa thanh toán khoản tiền vay cho Nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết.

Nay Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu sau:

- Buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán cho ông N.D số tiền gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 16/4/2018 là 100.000.000(một trăm triệu) đồng.

- Buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán tiền lãi cho ông N.D từ ngày 16/4/2018 đến ngày 11/5/2020 (23 tháng 22 ngày) là: $100.000.000 \times 1\% \times 23 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 23.666.000$ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

Tổng số tiền mà Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán là: 123.666.000(một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: Tại bản tự khai đề ngày 19/4/2019 và tại phiên họp về kiểm tra việc nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2019, ông N.N.S và bà N.T.T.T có mặt và trình bày: Chúng tôi xác nhận có vay tiền của nguyên đơn số tiền là 100.000.000(một trăm triệu) đồng, tiền lãi thỏa thuận giữa hai bên là 5%, từ khoảng tháng 5/2018 cho đến tháng 12/2018 bị đơn đã đóng tiền lãi cho ông N.D gần khoảng 60.000.000(sáu mươi triệu) đồng, từ tháng 12/2018 đến hiện giờ là không có đóng thêm, khả năng của chúng tôi bây giờ chỉ có thể trả 1 tháng 1.000.000(một triệu) đồng, chúng tôi đồng ý thanh toán nợ lãi như nguyên đơn trình bày: Lãi tạm tính từ 16/04/2018 đến 28/02/2019 là 10 tháng 12 ngày: $100.000.000 \times 10 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 1\% / \text{tháng} = 10.400.000$ đồng (Mười triệu đồng bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 110.400.000 đồng (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn) đồng và đề nghị thời hạn thanh toán là 12 tháng kể từ ngày 13/5/2019.

Tại phiên họp về kiểm tra việc nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/6/2019, phiên tòa ngày 06/4/2020 và phiên tòa ngày 11/5/2020 , bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày tiếp theo.

* Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông L.H.T có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Ông N.N.S và bà N.T.T.T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thông qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm: thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần Hội đồng xét xử, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 464, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán cho ông N.D số tiền vay gốc là 100.000.000đồng và lãi suất là 23.666.000đồng. Tổng cộng là: 123.666.000đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và khoản 3 Điều 144 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án cho Nguyên đơn là 2.760.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong đó ông N.D là bên cho vay, ông N.N.S và bà N.T.T.T là bên vay. Xét hợp đồng vay thể hiện bằng Hợp đồng vay tiền, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ ngày 16/4/2018, về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 119, 385, 398, 401, 463 của Bộ Luật dân sự.

- Thẩm quyền theo lãnh thổ:

Bị đơn ông N.N.S và bà N.T.T.T có hộ khẩu thường trú tại N.V.L, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận Y về đương sự N.N.S và N.T.T.T như sau: “*Đương sự N.N.S, sinh năm: 1994 và bà N.T.T.T, sinh năm 1991 có đăng ký thường trú tại địa chỉ N.V.L, Phường A, Quận Y. Từ năm 2018 đã chuyển đi nơi khác sinh sống, hiện đang tạm trú tại địa chỉ H.N, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế không còn cư ngụ tại địa phương*”; Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh về đương sự N.N.S và N.T.T.T như sau: “*Qua xác minh tại địa chỉ H.N, Phường H, Quận I không có nhân khẩu tên N.N.S, sinh năm 1994 và nhân khẩu tên N.T.T.T, sinh năm 1991 cư trú, không đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên.*” Xét, Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài

sản với Bị đơn là ông N.N.S và bà N.T.T.T thuộc khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân Quận Y thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn có mặt tại phiên họp về kiểm tra việc nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2019. Tại phiên họp về kiểm tra việc nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/6/2019, phiên tòa ngày 06/4/2020 và phiên tòa ngày 11/5/2020, bị đơn đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân Quận Y nhận được bản trình bày yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của Nguyên đơn đề ngày 02/5/2020, căn cứ Điều 238 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì việc Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

[Về nội dung:

Theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 16/4/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, thành phố Hồ Chí Minh, giữa nguyên đơn – ông N.D và bị đơn ông N.N.S, bà N.T.T.T có ký hợp đồng vay tiền số công chứng 003327, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD, với số tiền mà Nguyên đơn đã cho bị đơn vay là 100.000.000(một trăm triệu) đồng, thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 28/02/2019, lãi suất do hai bên thỏa thuận, bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi vào ngày 16 dương lịch hàng tháng, cùng ngày bị đơn đã ký giấy nhận tiền, đã nhận 100.000.000đồng.

Sau khi vay tiền, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán, đến ngày 01/3/2019 nguyên đơn – ông N.D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T thanh toán số tiền gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 16/4/2018 là 100.000.000(một trăm triệu) đồng và lãi suất từ ngày 16/4/2018 đến ngày 11/5/2020 là 23 tháng 22 ngày là: $100.000.000 \times 1\% \times 23 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 23.666.000$ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 123.666.000 (một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự, việc ông N.N.S và bà N.T.T.T vi phạm cam kết về thời gian trả nợ gốc và lãi theo các điều khoản trong hợp đồng vay tiền được ký kết giữa hai bên, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là: 123.666.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn - ông N.N.S và bà N.T.T.T có mặt và trình bày tại bản tự khai đề ngày 19/4/2019 và tại phiên họp về kiểm tra việc nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2019: “Về phần tiền lãi thỏa thuận giữa hai bên là 5%, từ khoảng tháng 5/2018 cho đến tháng 12/2018 bị đơn đã đóng tiền lãi cho ông N.D gần khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng” nhưng bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng

cứ để chứng minh cho lời trình bày nói trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, bị đơn cũng đồng ý tiền lãi thỏa thuận là 1%/tháng như nguyên đơn trình bày.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N.N.S và bà N.T.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.D. Cụ thể:

1/ Buộc ông N.N.S và bà N.T.T.T phải thanh toán cho ông N.D tổng cộng số tiền là: 123.666.000(một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền gốc: 100.000.000 (một trăm triệu)đồng.
- Tiền lãi: 23.666.000 đồng(lãi được tính từ ngày 16/4/2018 đến ngày 11/5/2020).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 1%/tháng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N.N.S và bà N.T.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: là 6.183.300 (sáu triệu một trăm tám mươi ba ngàn ba trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông N.D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.760.000(hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0010909 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Sang